

Số: 09 /ĐA-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

ĐỀ ÁN

Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Luật Giáo dục năm 2019 và Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Thực hiện quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng: "Sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của nhân dân...". Cần phải đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục với phương châm: "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; "Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, đầu tư có lợi nhất"; "Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu";

Thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao, đòi hỏi các ngành, các cấp phải tiếp tục huy động mọi nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước cho giáo dục - đào tạo;

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy và thực hiện có hiệu quả mức thu và cơ chế quản lý, sử dụng các khoản thu từ dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Đề án Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

✓



- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao;

- Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Điều b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”*;

Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định: *“Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương”*.

Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định: *“...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”*.

Hiện nay, theo xu thế phát triển của xã hội các điều kiện phục vụ, hỗ trợ hoạt động dạy và học cho học sinh trong nhà trường đã được đầu tư một cách đồng bộ; một số dịch vụ như: Tổ chức ăn, ngủ cho học sinh bán trú; nước uống tinh khiết cho học sinh; đồ dùng phục vụ cá nhân trẻ bán trú; điện, nước; giáo dục kỹ năng sống.... đang diễn ra ở các trường học theo hình thức thỏa thuận giữa nhà trường và phụ huynh học sinh đăng ký sử dụng dịch vụ cho con em mình. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục diễn ra ở mỗi trường, mỗi quận, huyện trong thành phố, cấp học khác nhau, không có sự thống nhất.

Do đó, việc xây dựng Đề án Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng là cần thiết, làm căn cứ để Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Quy định mức thu và cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố theo quy định hiện hành, làm cơ sở pháp lý cho các trường học công lập trên địa bàn thành phố áp dụng phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế.

Mục tiêu xây dựng Đề án Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng nhằm thúc đẩy việc thực hiện chính sách xã hội hoá giáo dục của thành phố, bổ sung nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp giáo dục để trang trải chi phí cần thiết cho công tác giảng dạy, tạo điều kiện cho các trường có nguồn kinh phí chủ động trong các điều kiện nuôi dạy tốt hơn cho người học.

Xây dựng mức thu và cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập đảm bảo các quy định của Nhà nước, đồng thời phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và mức thu nhập của nhân dân thành phố nhằm thực hiện xã hội hoá, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, tăng cường nguồn lực đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo là cần thiết.

III. THỰC TRẠNG VIỆC THU, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Tình hình thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

Năm học 2021-2022, mức thu các khoản thu phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn thành phố thực hiện theo các mức sau:

Đơn vị: 1000đồng/học sinh/tháng

4

T T	Quận/huyện	1. Tiền phục vụ bán trú						2.Học phẩm (1.00 0đ/trẻ /năm)	3.Chăm sóc trẻ MN trong các ngày nghỉ, ngày hè (1.000đ /trẻ/thá ng)	4. Tổ chức học ngày thứ 7 cho trẻ MN (1.000 đ/ ngày)	5.Hỗ trợ học buổi 2 cho HS tiểu học (1.00 0đ/hs /thán g)	6. Trông trẻ, HS ngoài giờ (1.000đ/HS/ tiết)		7. Dạy thêm, học thêm (1000đ/hs/tiế t)		8. Học phí nghề (1.000đ/hs/th áng)		8. Lệ phí thi nghề (1.000đ/hs/n ăm)		9. Tin học (1.000đ/ hs/ tiết)			10.Toán Tư duy (1.000đ/ hs/ tiết)	
		Tiền ăn bán trú (1000đ/hs/n gày)		Chăm sóc bán trú (1000đ/hs/thá ng)		Mua sắm đồ dùng trang thiết bị phục vụ bán trú (1.000đ/tháng /hs)																		
		MN	TH	MN	TH	MN	TH																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	NGÔ QUYỀN	25	25	220	150	44	33	400	220	50		9	9	9	9	10	10	18	18	9	9	9	9	9
2	LÊ CHÂN	25	30	220	250	77	-	350	220	50		9	9	9	9	10	10	18	18	9	9	9	9	9
3	HỒNG BÀNG	25	27	-	250	55	55	600	250	50		9	9	9	9	10	10	18	18	9	9	9	9	9
4	HẢI AN	20	25	300	180	35	33	300	130	50		9	9	9	9	10	10	18	18	9	9	9	9	9
5	ĐỎ SƠN	18	20	110	170	55	33	450	130	50		9	9	7	7	10	10	18	18	9	9	9	9	9
6	DƯƠNG KINH	18	20	130	145	33	250	300	120	50		9	9	7	7	10	10	18	18	9	9	9	9	9
7	KIÊN AN	20	22	200	150	30	150	350	350	50		9	9	9	9	10	10	18	18	9	9	9	9	9
8	KIÊN THUY	18	20	170	120	22	16	350	140	40		7	7	7	7	10	10	18	18	7	7	7	7	7
9	THỦY NGUYỄN	16	26	180	200	25	20	450	233	50		7	7	7	7	10	10	18	18	7	7	7	7	7
10	AN DƯƠNG	18	22	162	135	40	18	450	-	50		7	7	7	7	10	10	18	18	7	7	7	7	7
11	AN LÃO	16	20	180	200	35	15	300	100	30		7	7	7	7	10	10	18	18	7	7	7	7	7
12	TIỀN LĂNG	16	20	120	110	30	30	300	120	30		7	7	7	7	10	10	18	18	7	7	7	7	7
13	VĨNH BẢO	14	20	110	110	20	25	220	120	30		7	7	7	7	10	10	18	18	7	7	7	7	7
14	CÁT HẢI	18	20	150	150	50	30	420	150	30		7	7	7	7	10	10	18	18	7	7	7	7	

TT	Quận/huyện	11. Học ngoại ngữ						12. Giáo dục kỹ năng sống (1.000d/ hs/ tháng)			13. Nước uống (1000d/hs/tháng)			14. Trồng xe (Xe đạp , xe đạp điện, xe máy) (1.000 đ/tháng)				15. Tin nhắn điện tử (1.000 đ/hs/ năm)			
		Ngoại ngữ Giáo viên là người nước ngoài (1.000d/ hs/ tiết)			Ngoại ngữ Giáo viên là người Việt Nam (1.000d/ hs/ tiết)																
		TH	THCS	THPT	Làm quen với NN của trẻ MN	TH	THCS	TH	THCS	THPT	TH	THCS	THPT	MN	TH	THCS	THPT	MN	TH	THCS	THPT
26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47
1	NGÔ QUYÊN	38	38	40	20	9	9	50	50	70	10	10	10	40-60	40-60	40-60	40-60	100	100	15	150
2	LÊ CHÂN	40	40	40	20	9	9	50	50	70	10	10	10	40-60	40-60	40-60	40-60	150	100	15	150
3	HỒNG BÀNG	40	40	40	20	9	9	50	50	70	10	10	10	30-50	30-50	30-50	30-50	65	100	15	150
4	HẢI AN	40	40	40	20	9	9	50	50	70	10	11	10	40-60	40-60	40-60	40-60	100	100	10	150
5	ĐỒ SƠN	40	40	40		9	9	50	50	70	10	10	15	40-60	40-60	40-60	40-60	55	100	120	150
6	DƯƠNG KINH	40	40	40	20	9	9	50	50	70	19	16	10	30-50	30-50	30-50	30-50	100	100	100	150
7	KIÊN AN	40	40	40		9	9	50	50	70	0	10	10	30-50	30-50	30-50	30-50	100	100	80	150
8	KIÊN THUY	40	40	40	20	7	7	40	40	50	7	5	10	20-50	20-50	20-60	20-60	80	80		100
9	THỦY NGUYÊN	38	40	40		7	7	35	35	50	10	10	10	20-50	20-50	30-60	30-60	80	80	80	100
10	AN DƯƠNG	40	40	40		7	7	40	40	40	0	0	10	30-45	30-45	30-60	30-60	50	50	100	100
11	AN LÃO	38	40	40	20	7	7	35	35	50	7	7	10	30-50	30-50	40-60	40-60	60	60	100	120
12	TIỀN LĂNG	40	40	40	15	7	7	50	50	40	8	9	10	25-40	25-40	30-60	30-60	25	60	80	120
13	VĨNH BẢO	40	40	40		7	7	35	35	40	7	7	10	30-40	30-40	30-50	30-50	80	80	100	150
14	CÁT HẢI	40	40	40		7	7	40	40	50	0	6	10	25-40	25-40	25-50	25-50	60	80	630	120

2. Tình hình quản lý, sử dụng khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Nội dung các khoản thu	Số tiền thu được trong các năm học		
		2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Dạy thêm học thêm	305.788	334.086	350.450
2	Dạy học 2 buổi/ngày	0	0	0
3	Tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục			
	- Tiền ăn	464.506	518.555	548.573
	- Chăm sóc bán trú	175.382	187.887	198.398
	- Trang thiết bị phục vụ bán trú	20.688	21.153	23.099
4	Chăm sóc trẻ trong các ngày thứ 7, ngày hè, ngoài giờ	58.901	60.980	66.866
5	Nước uống	31.701	35.655	36.656
6	Giáo dục tăng cường (tin học, học ngoại ngữ, học Stem, dạy học phát triển năng khiếu thể dục thể thao...)	28.273	37.960	60.186
7	Giáo dục tăng cường (nếu có yếu tố nước ngoài)	109.270	112.947	121.903
8	Hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	71.764	80.118	87.285
9	Thi nghề phổ thông	7.325	8.812	8.981
10	Trông xe (xe đạp, xe đạp điện, xe máy)	23.630	24.609	25.881

Khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục: Các đơn vị được sử dụng toàn bộ số thu được, bổ sung kinh phí hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục; đảm bảo thu đủ bù chi; thực hiện quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.



3. Đánh giá tình hình thực hiện khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập

Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo hàng năm đã được tăng cường tuy nhiên chưa đáp ứng được so với nhu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Công tác tuyên truyền chính sách pháp luật của nhà nước liên quan đến việc thu, quản lý sử dụng các khoản thu, các khoản huy động đóng góp thỏa thuận, đóng góp tự nguyện tại các địa phương (*ở cấp quận, huyện, phòng GD&ĐT, các nhà trường*) chưa tốt dẫn đến nhân dân, phụ huynh chưa nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chưa bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong công tác dân vận.

Ở một số trường học, công tác quản lý, quản trị chưa được chú trọng; việc triển khai ở một số đơn vị chưa đảm bảo đầy đủ, đồng bộ và kịp thời các khâu liên quan về thực hiện thu, chi dẫn đến công tác quản lý tài chính chưa chặt chẽ, chưa thực hiện đúng quy định.

Một số quận, huyện theo phân cấp quản lý chưa chỉ đạo, kiểm tra, phê duyệt các khoản thu thỏa thuận một cách kịp thời, nhiều cơ sở giáo dục còn lúng túng, chưa đồng bộ về hình thức triển khai. Số lượng và nội dung các khoản thu trong các cơ sở giáo dục rất khác nhau; mức thu có sự chênh lệch giữa các đơn vị có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng. Cá biệt ở một số đơn vị còn có biểu hiện của việc "lạm thu", chưa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Quy trình thực hiện các khoản thu theo thỏa thuận trong các cơ sở giáo dục chưa thống nhất gây khó khăn cho công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý. Một vài đơn vị việc xây dựng dự toán chi để làm cơ sở thu chưa chi tiết và thiếu kịp thời

Do đó phải có quy định quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng để triển khai các khoản thu được hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập trên từng địa bàn, đáp ứng được yêu cầu dạy và học trong giai đoạn mới và từng bước giảm áp lực cho các nhà trường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác giáo dục; khuyến khích, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, tăng cường tính công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận của nhân dân, khắc phục tình trạng lạm thu tại các cơ sở giáo dục.

IV. ĐỀ XUẤT MỨC THU, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

Việc đề xuất quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng được thực hiện theo các quy

n

định sau:

Điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”;

Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định: “*Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương*”.

Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định: “... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

1. Nguyên tắc xác định mức thu

Đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập: Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm.

Mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tối đa bằng mức trần học phí hàng năm được cấp có thẩm quyền ban hành.

Các cơ sở giáo dục phải công bố công khai mức các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho từng năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

2. Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Các cơ sở giáo dục thực hiện thu đúng, thu đủ; chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Trước khi thu phải có dự toán thu, chi từng khoản; phải thoả thuận với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện; mức thu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không vượt quá mức thu quy định.

Sau khi tham khảo mức thu của một số tỉnh đã ban hành Nghị quyết do địa phương quản lý như: Thái Bình, Vĩnh Phúc, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Yên Bái, Bắc Giang, Bình Phước, Bến Tre.

Từ các căn cứ và nguyên tắc nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở; giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Trung học phổ thông; giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông
1	Tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục					
1.1	Tiền ăn (đã bao gồm cả chất đốt)	1000đồng/hs(trẻ)/ ngày	30	30	35	không
1.2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)					
a	Đối với (trẻ) học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu	1000đồng/hs(trẻ)/năm	360	360	360	không
b	Các năm học tiếp theo	1000đồng/hs(trẻ)/năm	200	200	200	không
2	Chăm sóc bán trú					
2.1	Thuê người nấu ăn, phục vụ, trực trưa cho giáo viên	1000đồng/trẻ/ tháng	150	150	150	không
2.2	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (trước giờ học và sau khi kết thúc buổi học khi cha mẹ học sinh, trẻ em có nhu cầu, tối đa không quá 03 giờ/ngày)	1000đồng/hs(trẻ)/giờ	5	5	5	không
2.3	Ngày thứ 7 cho trẻ mầm non (cha mẹ trẻ em có nhu cầu)	1000đồng/trẻ/ngày	50	không	không	không
3	Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước)	1000đồng/hs/tháng	không	30	không	không
4	Học thêm (cha mẹ trẻ em có nhu cầu)					
4.1	Học thêm toán tư duy, tin học, kỹ năng sống					
	Quận	1000đồng/tiết/HS	không	12	12	12
	Huyện	1000đồng/tiết/HS	không	10	10	10
4.2	Học thêm môn Tiếng Anh					
a	Giáo viên người Việt Nam					

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở; giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Trung học phổ thông; giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông
	Quận	1000đồng/tiết/HS	20	12	12	12
	Huyện	1000đồng/tiết/HS	20	10	10	10
<i>b</i>	Giáo viên người nước ngoài					
	Quận	1000đồng/tiết/ hs(trẻ)	40	40	40	40
	Huyện	1000đồng/tiết/ hs(trẻ)	35	35	35	35
4.3	Học thêm các môn văn hoá (<i>bố trí không quá 45 học sinh/lớp</i>)					
	Quận	1000đồng/tiết/HS	không	không	12	12
	Huyện	1000đồng/tiết/ HS	không	không	10	10
5	Học nghề phổ thông	1000đồng/tháng/HS	không	không	30	không
6	Thi nghề phổ thông	1000đồng/đợt/năm/ HS	không	không	100	không
7	Nước uống cho học sinh	1000đồng/tháng/HS	không	10	10	10
8	Trông xe					
	Xe đạp	1000đồng/tháng/ xe	không	30	30	30
	Xe máy, xe điện	1000đồng/tháng/ xe	không	50	50	50

Dự kiến tiền thu 01 tháng/học sinh

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Số tiền dự kiến thu 01 tháng
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở; giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Trung học phổ thông; giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	
1	Tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục						
1.1	Tiền ăn (<i>bao gồm cả chất đốt</i>)	1000đồng/hs(trẻ)/ ngày	30	30	không	không	

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Số tiền dự kiến thu 01 tháng
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở; giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Trung học phổ thông; giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	
1.2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (<i>mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân</i>)						
a	<i>Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú đối với (trẻ) học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu</i>	1000đồng/hs(trẻ)/năm	360	360	360	không	
b	<i>Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú khi bị hư hỏng và thay thế các năm học tiếp theo</i>	1000đồng/hs(trẻ)/năm	200	200	200	không	
2	Chăm sóc bán trú						
2.1	Thuê người nấu ăn, phục vụ, trực trưa cho giáo viên	1000đồng/trẻ/ tháng	150	150	150	không	
2.2	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (<i>trước giờ học và sau khi kết thúc buổi học khi cha mẹ học sinh, trẻ em có nhu cầu, tối đa không quá 03 giờ/ngày</i>)	1000đồng/hs(trẻ)/giờ	5	5	5	không	300
2.3	Ngày thứ 7 cho trẻ mầm non (<i>cha mẹ trẻ em có nhu cầu</i>)	1000đồng/trẻ/ngày	50	không	không	không	200
3	Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (<i>hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước</i>)	1000đồng/hs/tháng	không	30	không	không	
4	Học thêm						
4.1	Học thêm toán tư duy, tin học tăng cường; kỹ năng sống						
	Quận (<i>20 tiết/tháng x 12.000đ/tiết</i>)	1000đồng/tiết/HS	không	12	12	12	240
	Huyện (<i>20 tiết/tháng x 10.000đ/tiết</i>)	1000đồng/tiết/HS	không	10	10	10	200
4.2	Học thêm môn Tiếng Anh						
a	Giáo viên người Việt Nam						

✓✓

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Số tiền dự kiến thu 01 tháng
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở; giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Trung học phổ thông; giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	
	Quận MN: 1 tiết/tháng x 20.000đ/tiết TH, THCS, THPT: 4 tiết/tháng x 12.000đ/tiết	1000đồng/tiết/HS	20	12	12	12	48
	Huyện MN: 1 tiết/tháng x 20.000đ/tiết TH, THCS, THPT: 4 tiết/tháng x 10.000đ/tiết	1000đồng/tiết/HS	20	10	10	10	40
b	Giáo viên người nước ngoài						
	Quận MN, TH, THCS, THPT: 2 tiết/tháng x 40.000đ/tiết	1000đồng/tiết/ hs(trẻ)	40	40	40	40	80
	Huyện MN, TH, THCS, THPT: 2 tiết/tháng x 35.000đ/tiết	1000đồng/tiết/ hs(trẻ)	35	35	35	35	70
4.3	Học thêm các môn văn hoá (bố trí không quá 45 học sinh/lớp)						
	Quận (20 tiết/tháng x 12.000đ/tiết)	1000đồng/tiết/HS	không	không	12	12	240
	Huyện (20 tiết/tháng x 10.000đ/tiết)	1000đồng/tiết/ HS	không	không	10	10	200
5	Học nghề phổ thông	1000đồng/tháng/HS	không	không	30	không	
6	Thi nghề phổ thông	1000đồng/đợt//năm/HS	không	không	100	không	
7	Nước uống cho học sinh	1000đồng/tháng/HS	không	10	10	10	
8	Trông xe						
	Xe đạp	1000đồng/tháng/ xe	không	30	30	30	
	Xe máy, xe điện	1000đồng/tháng/ xe	không	50	50	50	

3. Cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu từ các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

3.1. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải bảo đảm thu vừa đủ chi; chi đúng mục đích; mang tính chất phục vụ; tuyệt đối không mang tính chất kinh doanh.

3.2. Thực hiện việc thu, chi đảm bảo công khai theo đúng quy định Thông tư số 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế

thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quy chế dân chủ cơ sở.

3.3. Hạch toán các khoản thu và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các quy định pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án, cụ thể:

- Phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường; nguyên tắc để thực hiện việc thu chi theo quy định.

- Chú trọng công tác tuyên truyền về mục đích ý nghĩa của Đề án và việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, tạo sự đồng thuận thống nhất cao nhân dân.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu, quản lý sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập các cấp học trên địa bàn thành phố theo đúng các quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập các cấp học trên địa bàn thành phố;

- Tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục trực thuộc và của Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị trực thuộc.

- Định kỳ rà soát kỹ lưỡng các danh mục thu, đối tượng thu bảo đảm đúng quy định pháp luật và thực tiễn của thành phố, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục các cấp học tại các cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý và theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện chính sách này.

3. Thanh tra thành phố

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch, thanh tra, kiểm tra thu,

chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cấp học theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích ý nghĩa của việc Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng, tạo sự đồng thuận thống nhất cao nhân dân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng, Cổng Thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện Đề án.

5. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai các khoản thu tại trụ sở làm việc để nhân dân và cha mẹ học sinh biết.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận thống nhất cao nhân dân; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường; cơ chế thu và sử dụng nguồn thu khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục các cấp học trên địa bàn quận, huyện quản lý; tham mưu xử lý kỷ luật nghiêm khắc theo thẩm quyền đối với những tập thể và cá nhân vi phạm các quy định của nhà nước về quản lý thu chi.

- Tổng hợp và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường; cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục các cấp học theo phân cấp quản lý và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 10 hằng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Các cơ sở giáo dục

- Xây dựng kế hoạch, dự toán thu, chi ứng với từng nội dung theo quy định; thống nhất trong Hội đồng giáo dục nhà trường về mức thu, mức chi, đối tượng thu và đối tượng hưởng lợi, hình thức thu các khoản thu; tổ chức hội nghị lấy ý kiến của toàn thể cha mẹ học sinh, niêm yết công khai các khoản thu tại trụ sở làm việc để nhân dân và cha mẹ học sinh biết; tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận thống nhất cao nhân dân;



- Báo cáo chính quyền địa phương kế hoạch, dự toán thu, chi được phê duyệt. Công khai các khoản thu để nhân dân và cha mẹ học sinh biết, thực hiện. Tổ chức thu, quản lý và sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đúng quy định. Thực hiện công tác kế toán đối với các khoản thu này theo quy định của pháp luật, hạch toán riêng từng khoản thu vào sổ sách kế toán, tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về các khoản thu theo quy định của đơn vị;

- Có giải pháp hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế để học sinh được tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục của nhà trường theo khả năng phát triển năng lực của học sinh;

- Chịu sự kiểm tra, thanh tra định kì, đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo phân cấp quản lý trước ngày 20 tháng 10 hằng năm.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình và đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt Đề án Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐNDTP;
- Các Sở: GD&ĐT, TC, TT&TT;
- Thanh tra thành phố;
- Kho bạc NN HP;
- UBND các quận, huyện;
- CPVP;
- CV: GD;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Khắc Nam